

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hoà, ngày 06 tháng 3 năm 2023

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 4

- Mã chứng khoán: TV4

- Địa chỉ trụ sở chính: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

- Điện thoại: 0258.3563999 Fax: 0258.3563888

2- Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang.

- Nội dung giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế (LNST) so với cùng kỳ năm 2022: LNST năm 2022 của Công ty tăng 6.249 triệu đồng (tương đương tăng 17,7%) so với năm 2021. Nguyên nhân: việc kiểm soát hiệu quả chi phí SXKD trong năm của Công ty; doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 tăng 59,2% so với năm 2021 (trong đó, chủ yếu nhận được từ hoạt động đầu tư góp vốn năm 2022 đạt 16,86 tỷ đồng tăng 58,2% so với năm 2021).

3- Địa chỉ website: [www.pecc4.vn](http://www.pecc4.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, P2.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**Trần Lê Thanh Bình**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
THỜI GIAN TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**



## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc   | 2 - 4   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 5       |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  | 6 - 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022                 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022                           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022                    | 13 - 35 |
| 8. Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 36      |

\*\*\*\*\*





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Nhà nước là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 thành Công ty Cổ phần.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200385474, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 30 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (0258) 3563 999

Fax : (0258) 3 563 888

Website : www.pecc4.vn

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên Đơn vị         | Địa chỉ   |
|--------------------|---|
| Chi nhánh phía Bắc | Lô số 3 – TT4 – ngõ 183 – phố Hoàng Văn Thái – phường Khương Trung – quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh phía Nam | 46/9 Trần Quý Khoách – phường Tân Định – quận 1 – thành phố Hồ Chí Minh                                 |

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Tư vấn thiết kế công trình lưới điện, điện chiếu sáng. Lập quy hoạch phát triển điện các tỉnh, thành phố, quận, huyện. Khảo sát địa hình, địa chất công trình. Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu. Giám sát thi công xây dựng công trình lưới điện, công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi. Tư vấn thiết kế công trình đường bộ đến cấp 3, thiết kế kết cấu công trình dân dụng cấp 3 đến 6 tầng, công trình công nghiệp cấp 4, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp 3. Tư vấn thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, hồ sơ mời thầu công trình xây dựng.

**Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|----------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Lê Cao Quyền     | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022   |
| Ông Vũ Thành Danh    | Chủ tịch   | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022 |
|                      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022   |
| Ông Trần Trương Hân  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2022   |
| Ông Nguyễn Chí Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2022   |
| Ông Trần Cao Hỷ      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018   |
| Ông Trần Hoài Nam    | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022 |
| Ông Lâm Du Sơn       | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên                | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|--------------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Minh Hải      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Duy Quốc Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Nguyễn Thị Hải Yến    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2020 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên              | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm                         |
|------------------------|--|---------------------------------------|
| Ông Vũ Thành Danh      | Quyền Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022     |
| Ông Lê Cao Quyền       | Phó Tổng Giám đốc –<br>Thực hiện chức trách,<br>nhiệm vụ Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022   |
| Ông Vương Anh Dũng     | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2022     |
| Ông Trần Cao Hỷ        | Phó Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2019    |
| Ông Nguyễn Xuân Phương | Phó Tổng Giám đốc  | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020 |
| Bà Trần Lê Thanh Bình  | Kế toán trưởng   | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2022     |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên         | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm                       |
|-------------------|--|-------------------------------------|
| Ông Vũ Thành Danh | Quyền Tổng Giám đốc  | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022   |
| Ông Lê Cao Quyền  | Phó Tổng Giám đốc –<br>Thực hiện chức trách,<br>nhiệm vụ Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2022 |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.









Số: 3.0036/23/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nha Trang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

**Nguyễn Thị Minh Hà****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2743-2020-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>263.762.769.050</b> | <b>211.934.817.411</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>50.994.129.106</b>  | <b>69.763.781.808</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 5.994.129.106          | 11.763.781.808         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 45.000.000.000         | 58.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>19.000.000.000</b>  | <b>16.000.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 19.000.000.000         | 16.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>184.726.825.774</b> | <b>119.059.111.287</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3a        | 182.332.262.147        | 121.632.937.147        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 5.298.014.764          | 2.530.612.477          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 6.097.695.360          | 3.367.858.160          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (9.001.146.497)        | (8.472.296.497)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>8.228.553.796</b>   | <b>6.651.286.964</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 8.228.553.796          | 6.651.286.964          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>813.260.374</b>     | <b>460.637.352</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 813.260.374            | 460.637.352            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>142.196.821.860</b> | <b>142.197.173.274</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>238.818.300</b>     | <b>248.248.300</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        | V.3b        | 1.689.581.121          | 1.689.581.121          |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 82.000.000             | 91.430.000             |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        | V.6         | (1.532.762.821)        | (1.532.762.821)        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>28.444.712.367</b>  | <b>29.150.550.613</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 12.754.619.473         | 13.393.984.437         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 48.345.038.428         | 47.216.320.979         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (35.590.418.955)       | (33.822.336.542)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | 15.690.092.894         | 15.756.566.176         |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 23.058.241.083         | 22.283.741.083         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (7.368.148.189)        | (6.527.174.907)        |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>425.149.091</b>     | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 425.149.091            | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>110.746.654.910</b> | <b>110.941.640.000</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 103.850.000.000        | 103.850.000.000        |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 7.091.640.000          | 7.091.640.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2b        | (194.985.090)          | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>2.341.487.192</b>   | <b>1.856.734.361</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 2.341.487.192          | 1.856.734.361          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>405.959.590.910</b> | <b>354.131.990.685</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>150.620.572.982</b> | <b>136.435.552.714</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>150.620.572.982</b> | <b>136.435.552.714</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.12        | 29.525.115.406         | 27.070.365.331         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.13        | 23.967.675.036         | 31.610.749.610         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.14        | 9.729.442.439          | 7.745.766.017          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.15        | 76.361.399.481         | 59.846.883.422         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.16        | 314.446.000            | 1.423.797.000          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17        | 6.959.875.256          | 3.084.448.781          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.18        | 3.762.619.364          | 5.653.542.553          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |





**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

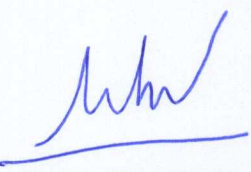
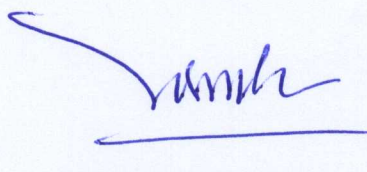
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |            |             |                        |                        |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>255.339.017.928</b> | <b>217.696.437.971</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>255.339.017.928</b> | <b>217.696.437.971</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.19        | 198.460.160.000        | 177.268.690.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 198.460.160.000        | 177.268.690.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        | V.19        | (745.850.060)          | (745.850.060)          |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.19        | 15.750.789.352         | 5.875.038.697          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.19        | 41.873.918.636         | 35.298.559.334         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 354.703.874            | 35.298.559.334         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 41.519.214.762         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>405.959.590.910</b> | <b>354.131.990.685</b> |

Nha Trang, ngày 28 tháng 02 năm 2023


Nguyễn Vũ Anh Thơ  
Người lập

Trần Lê Thanh Bình  
Kế toán trưởngVũ Thành Danh  
Quyền Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

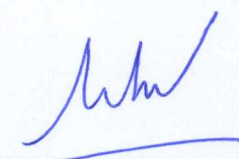
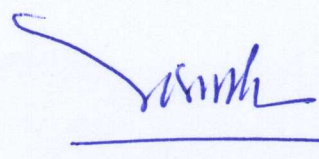
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|  |       |             |                 |                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 299.704.889.470 | 291.923.781.679 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 299.704.889.470 | 291.923.781.679 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 210.253.283.014 | 205.365.863.385 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 89.451.606.456  | 86.557.918.294  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 20.109.067.796  | 12.632.287.684  |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 236.103.717     | 54.770.791      |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | -               | -               |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -               | -               |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 60.844.821.237  | 57.651.453.701  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 48.479.749.298  | 41.483.981.486  |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.6        | 496.765.442     | 7.637.000       |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.7        | 1.271.708.042   | 49.954.545      |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (774.942.600)   | (42.317.545)    |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 47.704.806.698  | 41.441.663.941  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.14        | 6.185.591.936   | 6.171.125.888   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 41.519.214.762  | 35.270.538.053  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8a       | 2.099           | 1.587           |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.8a       | 2.099           | 1.587           |

Nha Trang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

  
Nguyễn Vũ Anh Thơ  
Người lập  
Trần Lê Thanh Bình  
Kế toán trưởng  
  
Quyền Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước              |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |             |                         |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |             | 47.704.806.698          | 41.441.663.941         |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |             |                         |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | V.9, 10     | 4.816.645.152           | 4.447.668.563          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        | V.2b, 6     | 723.835.090             | 5.991.048.788          |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                       | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | VI.3, 6     | (20.293.435.351)        | (12.582.333.139)       |
| - Chi phí lãi vay  | 06        |             | -                       | -                      |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |             | -                       | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 32.951.851.589          | 39.298.048.153         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |             | (66.000.813.939)        | 2.097.370.589          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | V.7         | (1.577.266.832)         | (2.915.037.161)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |             | 16.728.852.218          | (15.297.399.764)       |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | V.8         | (837.375.853)           | (514.906.123)          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |             | -                       | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |             | -                       | -                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.14        | (6.838.500.697)         | (5.468.661.250)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | V.18        | 11.920.000              | 11.920.000             |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.18        | (5.779.477.994)         | (2.234.279.930)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>(31.340.811.508)</b> | <b>14.977.054.514</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |             |                         |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |             | (4.535.955.997)         | (5.971.627.997)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        | VI.6        | 213.067.339             | (49.954.545)           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        | V.2a        | (13.000.000.000)        | (16.000.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        | V.2a        | 10.000.000.000          | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |             | -                       | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |             | -                       | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | VI.3        | 19.894.047.464          | 12.236.728.781         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |             | <b>12.571.158.806</b>   | <b>(9.784.853.761)</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

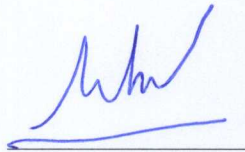
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

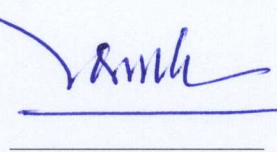
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 |                       | Năm trước |  |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|-----------|--|
|  |           |             |                         |                       |           |  |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                         |                       |           |  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                       | -                     | -         |  |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                       | -                     | -         |  |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        |             | -                       | -                     | -         |  |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |             | -                       | -                     | -         |  |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                       | -                     | -         |  |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                       | -                     | -         |  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>-</b>                | <b>-</b>              | <b>-</b>  |  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(18.769.652.702)</b> | <b>5.192.200.753</b>  |           |  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>69.763.781.808</b>   | <b>64.571.581.055</b> |           |  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | -                       | -                     | -         |  |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>50.994.129.106</b>   | <b>69.763.781.808</b> |           |  |

Nha Trang, ngày 28 tháng 02 năm 2023

  
Nguyễn Vũ Anh Thơ  
Người lập

  
Trần Lê Thanh Bình  
Kế toán trưởng

  
Vũ Thành Danh  
Quyền Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ tư vấn.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn, khảo sát và thiết kế điện.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước do cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư góp vốn tăng so với năm trước.

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty liên kết*

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn có trụ sở chính tại Tầng 7, khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 31%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân*

| Tên đơn vị         | Địa chỉ   |
|--------------------|---|
| Chi nhánh phía Bắc | Lô số 3 – TT4 – ngõ 183 – phố Hoàng Văn Thái – phường Khương Trung – quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh phía Nam | 46/9 Trần Quý Khoách – phường Tân Định – quận 1 – thành phố Hồ Chí Minh                                 |

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

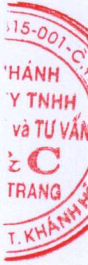
#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 439 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 451 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.





# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.





## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

##### *Chi phí khác*

Chi phí sửa chữa, chi phí khác phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

9818-6  
NHÂN  
TY TI  
ÁN VÀ T  
&  
IA TRA  
S-T.K



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 25       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 08       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06            |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05       |

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:





## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

#### 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **15. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **16. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt  | 601.717.000           | 416.665.000           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn   | 5.392.412.106         | 11.347.116.808        |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 45.000.000.000        | 58.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>50.994.129.106</b> | <b>69.763.781.808</b> |

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|  | Số cuối năm                          |          |                        | Số đầu năm      |          |                 |
|--|--------------------------------------|----------|------------------------|-----------------|----------|-----------------|
|  | Giá gốc                              | Dự phòng | Giá trị hợp lý         | Giá gốc         | Dự phòng | Giá trị hợp lý  |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                                   | <b>103.850.000.000</b>               | -        | <b>103.850.000.000</b> | -               | -        | -               |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn <sup>(i)</sup>                    | 103.850.000.000                      | -        | 355.561.955.000        | 103.850.000.000 | -        | 324.303.775.200 |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                                | <b>7.091.640.000 (194.985.090)</b>   | -        | <b>7.091.640.000</b>   | -               | -        | -               |
| Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang <sup>(ii)</sup>                       | 5.000.000.000                        | -        | -                      | 5.000.000.000   | -        | -               |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế <sup>(iii)</sup>                         | 1.050.000.000                        | -        | 2.100.000.000          | 1.050.000.000   | -        | 2.257.500.000   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội <sup>(iv)</sup> | 1.041.640.000 (194.985.090)          | -        | -                      | 1.041.640.000   | -        | -               |
| <b>Cộng</b>  | <b>110.941.640.000 (194.985.090)</b> | -        | <b>110.941.640.000</b> | -               | -        | -               |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn 31% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn trả cổ tức bằng 781.454 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 20.317.826 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ (số đầu năm là 19.536.372 cổ phiếu, tương đương 31% vốn điều lệ).

(ii) Công ty nắm giữ 500.000 cổ phiếu, tương đương 6,46% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Sơn Giang.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Công ty nắm giữ 105.000 cổ phiếu, tương đương 0,29% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế.
- (iv) Công ty nắm giữ 104.164 cổ phiếu, tương đương 0,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khánh Hòa – Hà Nội.

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đang hoạt động kinh doanh bình thường với lợi nhuận sau thuế năm nay tăng mạnh so với năm trước.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>     | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|--------------------|------------------|
| Số đầu năm                 | -                  | -                |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 194.985.090        | -                |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>194.985.090</b> | -                |

#### Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

|                                    | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|----------------|------------------|
| Nhận cổ tức bằng tiền              | 15.627.847.018 | 9.303.034.500    |
| Số lượng cổ phiếu thưởng được chia | 781.454        | 930.303          |
| Doanh thu khảo sát thiết kế        | 120.370.370    | -                |

### 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|------------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                 | <b>114.120.503.930</b> | <b>62.830.428.609</b> |
| Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Trung  | 50.651.989.732         | 31.557.857.838        |
| Ban Quản lý dự án các công trình Điện Miền Nam    | 15.212.150.600         | 4.430.049.527         |
| Ban Quản lý dự án Điện 3                          | 13.755.062.999         | -                     |
| Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc    | 8.117.293.693          | 9.139.000.665         |
| Ban Quản lý dự án Điện 2                          | 6.482.313.604          | -                     |
| Ban Quản lý dự án Truyền tải điện                 | 4.814.437.017          | 7.233.923.910         |
| Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát           | 3.214.976.366          | -                     |
| Công ty Nhiệt điện Uông Bí                        | 2.965.314.242          | 482.649.200           |
| Ban Quản lý dự án Điện 1                          | 2.645.176.985          | 5.044.916.471         |
| Công ty Nhiệt điện Duyên Hải                      | 1.352.891.836          | -                     |
| Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân             | 1.137.467.759          | 373.363.922           |
| Ban Quản lý dự án Điện nông thôn Miền Trung       | 953.905.244            | 953.905.244           |
| Tổng công ty Phát điện 1                          | 787.670.262            | 787.670.262           |
| Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4                     | 656.856.000            | -                     |
| Ban Quản lý dự án Lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh | 396.958.003            | 486.778.261           |





## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân                       | 323.000.000            | -                      |
| Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia          | 214.752.163            | -                      |
| Ban Quản lý dự án Lưới điện Miền Trung            | 178.535.408            | 178.535.408            |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                | 149.852.341            | 4.636.710              |
| Công ty Truyền Tải Điện 1                         | 109.899.676            | -                      |
| Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn              | -                      | 1.798.558.791          |
| Công ty Phát triển Thủy điện Sê San               | -                      | 358.582.400            |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>               | <b>68.211.758.217</b>  | <b>58.802.508.538</b>  |
| Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam    | 24.122.825.360         | 25.897.825.360         |
| Các khách hàng khác                               | 44.088.932.857         | 32.904.683.178         |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>182.332.262.147</b> | <b>121.632.937.147</b> |
| <br>  |                        |                        |
| <b>3b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>        |                        |                        |
|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                 | <b>156.818.300</b>     | <b>156.818.300</b>     |
| Ban Quản lý dự án Thủy điện 2                     | 156.818.300            | 156.818.300            |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>               | <b>1.532.762.821</b>   | <b>1.532.762.821</b>   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế | 1.532.762.821          | 1.532.762.821          |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>1.689.581.121</b>   | <b>1.689.581.121</b>   |
| <br>  |                        |                        |
| <b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>        |                        |                        |
|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
| Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư                   | 2.244.951.536          | -                      |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng Hà Nội    | 400.000.000            | 400.000.000            |
| Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên                   | 397.101.100            | 397.101.100            |
| Các nhà cung cấp khác                             | 2.255.962.128          | 1.733.511.377          |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>5.298.014.764</b>   | <b>2.530.612.477</b>   |
| <br>  |                        |                        |
| <b>5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác</b>          |                        |                        |
| <b>5a. Phải thu ngắn hạn khác</b>                 |                        |                        |
|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|   | <u>Giá trị</u>         | <u>Giá trị</u>         |
|   | <u>Dự phòng</u>        | <u>Dự phòng</u>        |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn                     | 581.879.451            | -                      |
| Tạm ứng   | 789.940.412            | -                      |
| Phải thu người lao động                           | 458.000.000            | -                      |
| Các khoản phải thu khác                           | 4.267.875.497          | -                      |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>6.097.695.360</b>   | <b>3.367.858.160</b>   |
| <br>  |                        |                        |
| <b>5b. Phải thu dài hạn khác</b>                  |                        |                        |
| Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.                    |                        |                        |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Nợ xấu

|  | Thời gian quá hạn | Số cuối năm           |                        | Thời gian quá hạn | Số đầu năm            |                        |
|--|-------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|
|  |                   | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |                   | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu                      | Trên 3 năm        | 2.481.247.709         | -                      | Trên 3 năm        | 2.481.247.709         | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế      | Trên 3 năm        | 1.532.762.821         | -                      | Trên 3 năm        | 1.532.762.821         | -                      |
| Công ty TNHH Điện Xekaman 3                            | Trên 3 năm        | 1.854.482.023         | -                      | Trên 3 năm        | 1.854.482.023         | -                      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO | Trên 3 năm        | 1.250.878.691         | -                      | Trên 3 năm        | 1.250.878.691         | -                      |
| Tổng cục Năng lượng - Bộ Công thương                   | Trên 3 năm        | 1.197.720.894         | -                      | Trên 3 năm        | 1.197.720.894         | -                      |
| Các khách hàng khác                                    | Trên 3 năm        | 2.216.817.180         | -                      | Trên 3 năm        | 1.687.967.180         | -                      |
| <b>Cộng</b>  |                   | <b>10.533.909.318</b> | <b>-</b>               |                   | <b>10.005.059.318</b> | <b>-</b>               |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Nợ phải thu ngắn hạn | Nợ phải thu dài hạn  | Cộng                  |
|----------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                 | 8.472.296.497        | 1.532.762.821        | 10.005.059.318        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 528.850.000          | -                    | 528.850.000           |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>9.001.146.497</b> | <b>1.532.762.821</b> | <b>10.533.909.318</b> |

#### 7. Hàng tồn kho

|                                      | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 410.891.202          | -        | 400.491.555          | -        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 198.806.820          | -        | 203.228.273          | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 7.618.855.774        | -        | 6.047.567.136        | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>8.228.553.796</b> | <b>-</b> | <b>6.651.286.964</b> | <b>-</b> |

#### 8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                                     | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí thường niên phần mềm        | 674.760.374        | 460.637.352        |
| Chi phí thuê văn phòng              | 116.000.000        | -                  |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 22.500.000         | -                  |
| <b>Cộng</b>                         | <b>813.260.374</b> | <b>460.637.352</b> |

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ           | 1.750.879.285        | 1.741.143.071        |
| Chi phí sửa chữa                   | 582.120.772          | -                    |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 8.487.135            | 115.591.290          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>2.341.487.192</b> | <b>1.856.734.361</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

|                                    | <u>Nhà xưởng,<br/>vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc,<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện<br/>vận tải</u> | <u>Thiết bị, dụng<br/>cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>           |
|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                  |                                     |                              |                                |                                      |                       |
| Số đầu năm                         | 11.167.591.541                      | 13.893.120.887               | 19.494.395.206                 | 2.661.213.345                        | 47.216.320.979        |
| Mua trong năm                      | -                                   | 1.396.500.000                | 730.000.000                    | 1.209.806.906                        | 3.336.306.906         |
| Thanh lý, nhượng<br>bán            | -                                   | -                            | (2.207.589.457)                | -                                    | (2.207.589.457)       |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>11.167.591.541</b>               | <b>15.289.620.887</b>        | <b>18.016.805.749</b>          | <b>3.871.020.251</b>                 | <b>48.345.038.428</b> |
| <i>Trong đó:</i>                   |                                     |                              |                                |                                      |                       |
| Đã khấu hao hết<br>vẫn còn sử dụng | 394.989.091                         | 11.750.906.404               | 7.663.809.022                  | 1.384.471.802                        | 21.194.176.319        |
| Chờ thanh lý                       | -                                   | -                            | -                              | -                                    | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>             |                                     |                              |                                |                                      |                       |
| Số đầu năm                         | 6.833.676.950                       | 12.234.403.264               | 13.007.191.630                 | 1.747.064.698                        | 33.822.336.542        |
| Khấu hao trong<br>năm              | 577.362.936                         | 692.228.242                  | 2.152.250.665                  | 553.830.027                          | 3.975.671.870         |
| Thanh lý, nhượng<br>bán            | -                                   | -                            | (2.207.589.457)                | -                                    | (2.207.589.457)       |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>7.411.039.886</b>                | <b>12.926.631.506</b>        | <b>12.951.852.838</b>          | <b>2.300.894.725</b>                 | <b>35.590.418.955</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>             |                                     |                              |                                |                                      |                       |
| Số đầu năm                         | 4.333.914.591                       | 1.658.717.623                | 6.487.203.576                  | 914.148.647                          | 13.393.984.437        |
| <b>Số cuối năm</b>                 | <b>3.756.551.655</b>                | <b>2.362.989.381</b>         | <b>5.064.952.911</b>           | <b>1.570.125.526</b>                 | <b>12.754.619.473</b> |
| <i>Trong đó:</i>                   |                                     |                              |                                |                                      |                       |
| Tạm thời chưa sử<br>dụng           | -                                   | -                            | -                              | -                                    | -                     |
| Đang chờ thanh lý                  | -                                   | -                            | -                              | -                                    | -                     |

#### 10. Tài sản cố định vô hình

|                                       | <u>Quyền sử<br/>dụng đất</u> | <u>Phần mềm<br/>máy tính</u> | <u>Cộng</u>           |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                              |                              |                       |
| Số đầu năm                            | 16.557.463.000               | 5.726.278.083                | 22.283.741.083        |
| Mua trong năm                         | -                            | 774.500.000                  | 774.500.000           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>16.557.463.000</b>        | <b>6.500.778.083</b>         | <b>23.058.241.083</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |                              |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 341.156.100                  | 3.552.973.483                | 3.894.129.583         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                              |                              |                       |
| Số đầu năm                            | 2.785.535.741                | 3.741.639.166                | 6.527.174.907         |
| Khấu hao trong năm                    | 182.446.992                  | 658.526.290                  | 840.973.282           |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>2.967.982.733</b>         | <b>4.400.165.456</b>         | <b>7.368.148.189</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                              |                              |                       |
| Số đầu năm                            | 13.771.927.259               | 1.984.638.917                | 15.756.566.176        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>13.589.480.267</b>        | <b>2.100.612.627</b>         | <b>15.690.092.894</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                              |                              |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                            | -                            | -                     |
| Đang chờ thanh lý                     | -                            | -                            | -                     |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng nhà xưởng thiết kế tại 38 Lê Thành Phương, chi tiết như sau:

|                     | <u>Số tiền (VND)</u> |
|---------------------|----------------------|
| Số đầu năm          | -                    |
| Phát sinh trong năm | 425.149.091          |
| <b>Số cuối năm</b>  | <b>425.149.091</b>   |

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>        | <b>1.635.291.328</b>  | <b>3.747.789.180</b>  |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1   | 1.635.291.328         | 3.747.789.180         |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>    | <b>27.889.824.078</b> | <b>23.322.576.151</b> |
| Công ty TNHH Dịch vụ Điện Tokyo          | 12.975.226.598        | -                     |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9       | 1.704.564.581         | 4.769.721.059         |
| Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Liên Việt | -                     | 2.960.727.273         |
| Các nhà cung cấp khác                    | 13.210.032.899        | 15.592.127.819        |
| <b>Cộng</b>                              | <b>29.525.115.406</b> | <b>27.070.365.331</b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Trả trước của các bên liên quan</b>          | <b>2.786.317.433</b>  | <b>11.488.741.496</b> |
| Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam             | 1.494.889.774         | 1.597.579.000         |
| Ban Quản lý dự án Thủy Điện 2                   | 699.052.326           | 699.052.326           |
| Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3                  | 298.457.417           | 733.962.171           |
| Công ty Truyền tải điện 3                       | 197.843.823           | 833.878.323           |
| Công ty Truyền tải điện 4                       | 64.860.345            | 64.860.345            |
| Công ty Lưới điện cao thế Thành phố Hồ Chí Minh | 31.213.748            | 31.213.748            |
| Ban Quản lý dự án Điện 3                        | -                     | 6.760.636.942         |
| Ban Quản lý dự án Điện 2                        | -                     | 525.751.075           |
| Công ty Truyền tải điện 1                       | -                     | 241.807.566           |
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b>        | <b>21.181.357.603</b> | <b>20.122.008.114</b> |
| Các khách hàng khác                             | 21.181.357.603        | 20.122.008.114        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>23.967.675.036</b> | <b>31.610.749.610</b> |

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                                  | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|----------------------------------|----------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa       | 4.875.014.181        | 20.658.399.960               | (17.792.894.777)                | 7.740.519.364        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp       | 2.265.112.836        | 6.185.591.936                | (6.838.500.697)                 | 1.612.204.075        |
| Thuế thu nhập cá nhân            | 605.639.000          | 5.390.304.144                | (5.619.224.144)                 | 376.719.000          |
| Thuế nhà thầu                    | -                    | 327.658.590                  | (327.658.590)                   | -                    |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | -                    | 5.212.323                    | (5.212.323)                     | -                    |
| Lệ phí môn bài                   | -                    | 3.000.000                    | (3.000.000)                     | -                    |
| <b>Cộng</b>                      | <b>7.745.766.017</b> | <b>32.570.166.953</b>        | <b>(30.586.490.531)</b>         | <b>9.729.442.439</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

Từ tháng 2/2022 đến tháng 12/2022, thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát giảm xuống còn 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 47.704.806.698              | 41.441.663.941              |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                             |                             |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 84.000.000                  | 72.000.000                  |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | -                           | -                           |
| Thu nhập chịu thuế   | 47.788.806.698              | 41.513.663.941              |
| Thu nhập được miễn thuế  | (16.860.847.018)            | (10.658.034.500)            |
| Thu nhập tính thuế   | 30.927.959.680              | 30.855.629.441              |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                         | 20%                         |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b><u>6.185.591.936</u></b> | <b><u>6.171.125.888</u></b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### **15. Phải trả người lao động**

Số dư tại ngày cuối năm là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

#### **16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                                  | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>           |
|----------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công tác thực hiện dự án | -                         | 1.100.000.000               |
| Chi phí tiền ăn ca               | 314.446.000               | 323.797.000                 |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>314.446.000</u></b> | <b><u>1.423.797.000</u></b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

|  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                    | <b>1.659.879.935</b> | <b>1.659.879.935</b> |
| Tập đoàn điện lực Việt Nam – Lãi trái phiếu phải trả | 1.659.879.935        | 1.659.879.935        |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>          | <b>5.299.995.321</b> | <b>1.424.568.846</b> |
| Kinh phí công đoàn                                   | 947.057.237          | 937.398.411          |
| Phải trả về cổ phần hóa                              | 2.100.000            | 2.100.000            |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                           | 70.673.841           | 70.673.841           |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng điện Hòa Bình           | 3.920.800.000        | -                    |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 359.364.243          | 414.396.594          |
| <b>Cộng</b>  | <b>6.959.875.256</b> | <b>3.084.448.781</b> |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                             | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Tăng do trích<br/>từ lợi nhuận</u> | <u>Tiền thưởng<br/>từ UBND tỉnh<br/>Khánh Hòa</u> | <u>Chi quỹ<br/>trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|-----------------------------|----------------------|---------------------------------------|---|------------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng             | 3.930.152.605        | 1.410.821.522                         | 11.920.000  | (1.971.320.000)              | 3.381.574.127        |
| Quỹ phúc lợi                | 1.298.389.948        | 2.116.232.283                         | -   | (3.033.576.994)              | 381.045.237          |
| Quỹ thưởng Ban<br>điều hành | 425.000.000          | 349.581.000                           | -   | (774.581.000)                | -                    |
| <b>Cộng</b>                 | <b>5.653.542.553</b> | <b>3.876.634.805</b>                  | <b>11.920.000</b>                                 | <b>(5.779.477.994)</b>       | <b>3.762.619.364</b> |

#### 19. Vốn chủ sở hữu

##### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 09 tháng 6 năm 2022 đã thông qua Nghị quyết về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông hiện hữu. Mục đích phát hành là trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, để tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh (xây dựng nhà xưởng thiết kế tại 38 Lê Thành Phương). Tổng mệnh giá cổ phiếu dự kiến phát hành là 21.194.820.000 VND, tỷ lệ phát hành là 12%, tỷ lệ thực hiện quyền là 100:12. Sau khi thực hiện xong phương án phát hành, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 177.268.690.000 VND lên thành 198.460.160.000 VND. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 19 ngày 30 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp do tăng vốn điều lệ.

Chi tiết vốn góp theo cổ đông lớn như sau:

|                            | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 142.193.880.000        | 126.958.830.000        |
| Các cổ đông khác           | 56.266.280.000         | 50.309.860.000         |
| <b>Cộng</b>                | <b>198.460.160.000</b> | <b>177.268.690.000</b> |

##### 19c. Cổ phiếu

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 19.846.016         | 17.726.869        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 19.846.016         | 17.726.869        |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (64.523)           | (64.523)          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 19.781.493         | 17.662.346        |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND.

#### 19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 09 tháng 6 năm 2022 như sau:

|                                       | <u>Số tiền (VND)</u>         |
|---------------------------------------|------------------------------|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển         | : 9.875.750.655              |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi     | : 3.527.053.805              |
| • Trích quỹ thưởng Ban điều hành      | : 349.581.000                |
| • Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu | 21.191.470.000               |
| <b>Cộng</b>                           | <b><u>34.943.855.460</u></b> |

#### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### 20a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền chi có 42.616,98 USD (số đầu năm là 360,74 USD).

##### 20b. Nợ khó đòi đã xử lý

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1                | 6.037.929.873                | 6.037.929.873                |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc | 5.919.992.822                | 5.919.992.822                |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai          | 5.318.864.000                | 5.318.864.000                |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Nhân Luật               | 3.054.527.900                | 3.054.527.900                |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm           | 2.969.910.000                | 2.969.910.000                |
| Công ty Cổ phần Hoàng Anh - Ban Mê                 | 2.920.004.170                | 2.920.004.170                |
| Các khách hàng khác                                | 2.971.874.655                | 2.971.874.655                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>29.193.103.420</u></b> | <b><u>29.193.103.420</u></b> |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế.

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

|  | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Ban Quản lý dự án Điện 1                         | 3.017.054.340  | 22.661.383.081   |
| Ban Quản lý dự án Điện 2                         | 12.903.725.425 | 3.697.463.061    |
| Ban Quản lý dự án Điện 3                         | 65.621.650.299 | 12.092.379.433   |
| Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung | 61.739.566.315 | 46.093.779.752   |
| Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Nam   | 32.463.600.582 | 20.069.058.189   |
| Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc   | 21.193.423.302 | 18.465.596.406   |
| Ban Quản lý dự án Truyền Tải Điện – Chi nhánh    | 10.112.237.368 | 10.950.950.727   |



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia             |                              |                              |
| Ban Quản lý dự án Điện lực Miền Nam               | 649.256.932                  | 5.212.572.018                |
| Ban Quản lý dự án Lưới điện thành phố Hồ Chí Minh | 279.270.375                  | 4.061.492.518                |
| Công ty Thủy điện Buôn Kuop                       | 1.031.073.493                | 2.616.729.000                |
| Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân                       | 937.548.383                  | 1.072.545.181                |
| Tổng Công ty Phát điện 3                          | -                            | 584.715.827                  |
| Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn              | 3.063.541.500                | 562.907.250                  |
| Công ty Nhiệt điện Uông Bí                        | 3.069.285.714                | 438.772.000                  |
| Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân             | 1.035.424.024                | 338.068.657                  |
| Công ty Phát triển Thủy điện Sê San               | 457.880.000                  | 325.984.000                  |
| Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4                     | 777.270.800                  | 222.765.200                  |
| Công ty Truyền tải Điện 1                         | 469.745.400                  | (317.664.856)                |
| Công ty Truyền tải Điện 3                         | 2.932.069.660                | -                            |
| Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3                    | 403.245.142                  | -                            |
| Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                | 268.917.835                  | -                            |
| Công ty Nhiệt điện Duyên Hải                      | 1.623.470.203                | -                            |
| Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chát             | 2.976.829.968                | -                            |
| Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia          | 198.844.595                  | -                            |
| Công ty Thủy điện Trị An                          | 790.020.909                  | -                            |
| Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa                | 3.449.649                    | -                            |
| <b>2. Giá vốn hàng bán</b>                        |                              |                              |
| Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế               |                              |                              |
| <b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>           |                              |                              |
|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Lãi tiền gửi ngân hàng                            | 3.219.520.994                | 1.974.253.184                |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                       | 16.860.847.018               | 10.658.034.500               |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh                   | 28.699.784                   | -                            |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>20.109.067.796</u></b> | <b><u>12.632.287.684</u></b> |
| <b>4. Chi phí tài chính</b>                       |                              |                              |
|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh                    | 41.118.627                   | 54.770.791                   |
| Dự phòng tổn thất đầu tư                          | 194.985.090                  | -                            |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>236.103.717</u></b>    | <b><u>54.770.791</u></b>     |
| <b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>            |                              |                              |
|   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Chi phí cho nhân viên                             | 25.908.727.252               | 24.874.227.283               |
| Chi phí vật liệu quản lý                          | 867.542.631                  | 1.043.547.654                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                  | 383.933.803                  | 285.758.631                  |
| Thuế, phí và lệ phí                               | 28.212.323                   | 14.712.323                   |
| Dự phòng phải thu khó đòi                         | 528.850.000                  | 5.991.048.788                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                         | 960.332.463                  | 1.121.131.984                |
| Các chi phí khác                                  | 32.167.222.765               | 24.321.027.038               |
| <b>Cộng</b>                                       | <b><u>60.844.821.237</u></b> | <b><u>57.651.453.701</u></b> |





## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Thu nhập khác

|  | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>        |
|--|---------------------------|-------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định           | 213.067.339               | -                       |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng                         | 283.698.103               | -                       |
| Thu từ bồi hoàn chi phí đào tạo của người lao động | -                         | 7.637.000               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>496.765.442</u></b> | <b><u>7.637.000</u></b> |

#### 7. Chi phí khác

|                                  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>         |
|----------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | -                           | 49.954.545               |
| Phạt do vi phạm hợp đồng         | 1.271.708.042               | -                        |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>1.271.708.042</u></b> | <b><u>49.954.545</u></b> |

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|   | <u>Năm nay</u>      | <u>Năm trước</u>    |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 41.519.214.762      | 35.270.538.053      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi   | -                   | (3.527.053.805)     |
| Trích thưởng Ban quản lý điều hành  | -                   | (349.581.000)       |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 41.519.214.762      | 31.393.903.248      |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 19.781.493          | 19.781.493          |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b><u>2.099</u></b> | <b><u>1.587</u></b> |

##### 8b. Thông tin khác

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.997 VND xuống còn 1.587 VND.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 8.937.917.221                 | 9.736.703.617                 |
| Chi phí nhân công                | 152.404.277.944               | 146.318.984.014               |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.816.645.152                 | 4.447.668.563                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 52.302.639.820                | 49.975.631.570                |
| Chi phí khác                     | 54.207.912.752                | 55.351.617.815                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>272.669.392.889</u></b> | <b><u>265.830.605.579</u></b> |





## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các khoản cam kết

Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc “thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn”, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát*

|                     | <u>Chức danh</u>                                      | <u>Tiền lương</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|---------------------|---|-------------------|---------------|----------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>      |   |                   |               |                |                      |
| Ông Lê Cao Quyền    | Chủ tịch Hội đồng quản trị                            | 414.700.000       | 132.840.000   | -              | 547.540.000          |
| Ông Vũ Thành Danh   | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quyền Tổng Giám đốc | 412.100.000       | 140.180.000   | -              | 552.280.000          |
| Ông Trần Cao Hỷ     | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc   | 572.360.050       | 115.820.000   | -              | 688.180.050          |
| Ông Trần Trương Hân | Thành viên Hội đồng quản trị                          | -                 | -             | 24.000.000     | 24.000.000           |





## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

|                          | <u>Chức danh</u>             | <u>Tiền lương</u>    | <u>Thưởng</u>      | <u>Thù lao</u>     | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--------------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Chí Quang     | Thành viên Hội đồng quản trị | -                    | -                  | 24.000.000         | 24.000.000           |
| Ông Trần Hoài Nam        | Thành viên Hội đồng quản trị | -                    | 40.000.000         | 31.800.000         | 71.800.000           |
| Ông Lâm Du Sơn           | Thành viên Hội đồng quản trị | -                    | 40.000.000         | 31.800.000         | 71.800.000           |
| Ông Nguyễn Xuân Phương   | Phó Tổng Giám đốc            | 636.733.060          | 110.820.000        | -                  | 747.553.060          |
| Ông Vương Anh Dũng       | Phó Tổng Giám đốc            | 404.082.310          | 5.000.000          | -                  | 409.082.310          |
| Ông Nguyễn Minh Hải      | Trưởng Ban Kiểm soát         | -                    | 7.200.000          | 72.000.000         | 79.200.000           |
| Ông Nguyễn Duy Quốc Việt | Kiểm soát viên               | -                    | 30.800.000         | 72.000.000         | 102.800.000          |
| Bà Nguyễn Thị Hải Yến    | Kiểm soát viên               | -                    | 20.800.000         | 72.000.000         | 92.800.000           |
| <b>Cộng</b>              |                              | <b>2.439.975.420</b> | <b>643.460.000</b> | <b>327.600.000</b> | <b>3.411.035.420</b> |

#### Năm trước

|                          |   |                      |                    |                    |                      |
|--------------------------|---|----------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Vũ Thành Danh        | Chủ tịch Hội đồng quản trị                          | 505.440.000          | 48.000.000         | -                  | 553.440.000          |
| Ông Lâm Du Sơn           | Thành viên Hội đồng quản trị                        | -                    | 4.310.000          | 86.400.000         | 90.710.000           |
| Ông Lê Cao Quyền         | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc     | 486.720.000          | 52.600.000         | -                  | 539.320.000          |
| Ông Trần Cao Hỷ          | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 430.559.920          | 16.000.000         | -                  | 446.559.920          |
| Ông Trần Hoài Nam        | Thành viên Hội đồng quản trị                        | 279.200.000          | 25.300.000         | 86.400.000         | 390.900.000          |
| Ông Nguyễn Xuân Phương   | Phó Tổng Giám đốc                                   | 820.966.000          | 45.400.000         | -                  | 866.366.000          |
| Ông Nguyễn Minh Hải      | Trưởng Ban Kiểm soát                                | -                    | -                  | 57.600.000         | 57.600.000           |
| Ông Hồ Nam Khánh         | Trưởng Ban Kiểm soát                                | 150.237.520          | 27.010.000         | -                  | 177.247.520          |
| Ông Nguyễn Duy Quốc Việt | Kiểm soát viên                                      | -                    | 2.890.000          | 86.400.000         | 89.290.000           |
| Bà Nguyễn Thị Hải Yến    | Kiểm soát viên                                      | -                    | -                  | 86.400.000         | 86.400.000           |
| <b>Cộng</b>              |   | <b>2.673.123.440</b> | <b>221.510.000</b> | <b>403.200.000</b> | <b>3.297.833.440</b> |

#### 2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u>                             | <u>Mối quan hệ</u>                         |
|---|--|
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "EVN") | Công ty mẹ, nắm giữ 71,65% vốn điều lệ     |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn                    | Công ty liên kết, sở hữu 31% vốn điều lệ   |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1                | Công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam |
| Các công ty/Ban quản lý khác trong cùng tập đoàn      | Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam    |



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>                             |                |                  |
| Công ty phát hành cổ phiếu thưởng để chia cổ tức từ lợi nhuận | 15.235.050.000 | 13.602.730.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>                 |                |                  |
| Chi phí khảo sát  | -              | 2.373.593.092    |

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### Công nợ với các bên liên quan khác

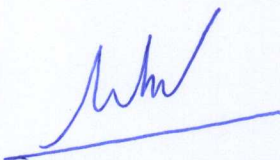
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.3b, V.12, V.13 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

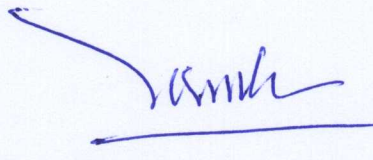
### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nha Trang, ngày 28 tháng 02 năm 2023



Nguyễn Vũ Anh Thơ  
Người lập



Trần Lê Thanh Bình  
Kế toán trưởng



Vũ Thành Danh  
Quyền Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: Số 11 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

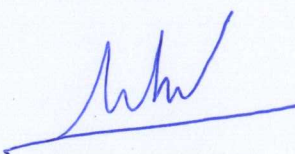
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

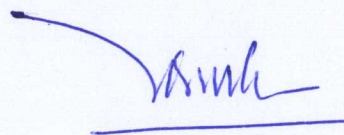
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

|  | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ         | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|--|---------------------------|----------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước  | 158.347.450.000           | (745.850.060)        | 339.535.474              | 27.677.516.116                          | 185.618.651.530        |
| Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu                                | 18.921.240.000            | -                    | -                        | (18.921.240.000)                        | -                      |
| Lợi nhuận trong năm trước  | -                         | -                    | -                        | 35.270.538.053                          | 35.270.538.053         |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020         | -                         | -                    | -                        | (2.767.751.612)                         | (2.767.751.612)        |
| Trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận năm 2020 | -                         | -                    | -                        | (425.000.000)                           | (425.000.000)          |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020            | -                         | -                    | 5.535.503.223            | (5.535.503.223)                         | -                      |
| <b>Số dư cuối năm</b>  | <b>177.268.690.000</b>    | <b>(745.850.060)</b> | <b>5.875.038.697</b>     | <b>35.298.559.334</b>                   | <b>217.696.437.971</b> |
| Số dư đầu năm nay  | 177.268.690.000           | (745.850.060)        | 5.875.038.697            | 35.298.559.334                          | 217.696.437.971        |
| Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu                                | 21.191.470.000            | -                    | -                        | (21.191.470.000)                        | -                      |
| Lợi nhuận trong năm nay  | -                         | -                    | -                        | 41.519.214.762                          | 41.519.214.762         |
| Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2021                                  | -                         | -                    | 9.875.750.655            | (9.875.750.655)                         | -                      |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021             | -                         | -                    | -                        | (3.527.053.805)                         | (3.527.053.805)        |
| Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận năm 2021     | -                         | -                    | -                        | (349.581.000)                           | (349.581.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>  | <b>198.460.160.000</b>    | <b>(745.850.060)</b> | <b>15.750.789.352</b>    | <b>41.873.918.636</b>                   | <b>255.339.017.928</b> |



Nguyễn Vũ Anh Thơ  
Người lập



Trần Lê Thanh Bình  
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 28 tháng 02 năm 2023



Trần Lê Thanh Bình  
Quyên Tổng Giám đốc







**Now,  
for tomorrow**

**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

**Head Office** : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Branch in Ha Noi** : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

**Branch in Nha Trang** : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

**Branch in Can Tho** : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 [kttv@a-c.com.vn](mailto:kttv@a-c.com.vn)

Tel: +84 (024) 3736 7879 [kttv.hn@a-c.com.vn](mailto:kttv.hn@a-c.com.vn)

Tel: +84 (0258) 246 5151 [kttv.nt@a-c.com.vn](mailto:kttv.nt@a-c.com.vn)

Tel: +84 (0292) 376 4995 [kttv.ct@a-c.com.vn](mailto:kttv.ct@a-c.com.vn)